

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 22/2021/HNGĐ – ST

Ngày 23 tháng 12 năm 2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trưởng và ông Bùi Hồng Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Xuân Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị X**, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: xóm Đ, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: **Anh Hà Văn Th**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: xóm Đ, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 11, Phân trại số 3 Trại giam Vĩnh Quang. Địa chỉ: xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị X trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 23/12/2003, chị và anh Hà Văn Th đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, anh chị ở tại nhà bố mẹ chị ở xóm Đ, xã X. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, thì liên tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th lười lao động, thường xuyên tụ tập chơi bời với bạn bè xấu. Năm 2020, anh Th phạm tội và bị kết án 09 năm tù giam. Hiện đang cải tạo tại Trại giam Vĩnh Quang thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th nữa mặt khác thời gian chấp

hành án của anh Th quá dài chị không thể tiếp tục chờ đợi anh Th được. Bởi vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết, cho chị được ly hôn anh Th.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị và anh Th có 01 (một) con chung là cháu Hà Thanh V, sinh ngày 16/11/2004. Hiện cháu đang sống cùng với chị, khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu anh Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Phía Bị đơn, anh Hà Văn Th hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang, do tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã phối hợp với Ban giám thị Trại giam Vĩnh Quang trong việc thông báo và làm việc với anh Th về việc chị Hà Thị X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Th.

Tại biên bản làm việc ngày 03/9/2021 của Trại giam Vĩnh Quang, anh Th trình bày quan điểm không đồng ý ly hôn và giải quyết việc ly hôn với chị X. Anh Th đề nghị sau khi chấp hành xong hình phạt, thì anh sẽ giải quyết việc ly hôn với chị X sau. Ngoài ra, anh Th không trình bày quan điểm gì khác về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung của anh và chị X. Mặc dù được cán bộ Trại giam tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Th từ chối không nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Chị X và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh Th là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh Th. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Hà Thanh Việt, sinh ngày 16/11/2004 cho chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị X không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị X có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn Th. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện anh Th đang chấp hành án phạt tù tại Đội 11, phân trại số 3, trại giam Vĩnh Quang. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th, anh Th không đồng ý việc ly hôn và không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, do anh Th đang phải cải tạo tập trung, không thể có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp; mặt khác chị X có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định vụ án không tiến hành hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị X có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt, anh Th đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng và không thể có mặt tại phiên tòa vì lý do bất khả kháng (hiện đang phải cải tạo tập trung). Căn cứ vào khoản 2, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị X, anh Th là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 23/12/2003, chị X và anh Th đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và cùng tự nguyện đi tới hôn nhân. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với gia đình chị X tại xóm Đ, xã X. Hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì thường X mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th lười lao động, thường xuyên tụ tập chơi bời. Năm 2020, anh Th phạm tội và bị kết án 09 năm tù giam. Hiện đang cải tạo tại Trại giam Vĩnh Quang thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị X xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th. Phía anh Th, hiện đang phải cải tạo tập trung đã trình bày quan điểm không đồng ý ly hôn chị X; anh đề nghị sau khi chấp hành xong hình phạt tù, thì giải quyết việc ly hôn sau.

Xét thấy, việc anh Th yêu cầu chưa giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung là không phù hợp bởi lẽ: Theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Phía anh Th không đồng ý giải quyết ly hôn nhưng chị X cho rằng không thể tiếp tục chờ đợi và không có mong muốn chung sống với anh Th khi anh Th chấp hành xong hình phạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th. Căn cứ vào quy định đã viện dẫn nêu trên và yêu cầu của chị X nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về “ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” giữa chị X và anh Th là phù hợp.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị X, thấy rằng: Từ khi kết hôn đến nay

là không hòa thuận hạnh phúc. Thể hiện là việc, anh Th không chinh chu lao động, không có trách nhiệm với gia đình. Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh Th thường trú thì anh Th là đối tượng địa phương đang theo dõi về việc nghiện ma túy, đã bị xét xử phạt tù về tội liên quan đến ma túy. Nay lại phải đi chấp hành hình phạt tù do phạm tội liên quan đến ma túy với thời gian 09 năm. Như vậy, trong thời kỳ hôn nhân tình nghĩa vợ chồng của anh Th và chị X đã bị ảnh hưởng nhiều từ lối sống và ý thức chấp hành pháp luật của anh Th. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Căn cứ vào quy định được viện dẫn nêu trên xác định một trong những nghĩa vụ cơ bản của vợ chồng là phải cùng chung sống, yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, do lối sống của anh Th dẫn đến anh chị không thường xuyên được chung sống cùng nhau, để quan tâm, san sẻ, chăm sóc nhau. Như vậy, quyền và nghĩa vụ nhân thân trong quan hệ giữa vợ và chồng của anh, chị không được đảm bảo như mục đích cao cả mà quy định của pháp luật hướng đến nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng.

Để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh Th, Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương, khu dân cư nơi anh chị thường trú được biết: Anh Th và chị X chung sống ở địa phương, vợ chồng không có mâu thuẫn gì địa phương phải giải quyết. Tuy nhiên, anh Th là đối tượng theo dõi về nghiện ma túy tại địa phương và đã bị xử đã bị xét xử phạt tù về tội liên quan đến ma túy. Nay lại phạm tội liên quan đến ma túy. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Th theo đơn đề nghị của chị X.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Hà là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh Th chị X có 01 (một) con chung là cháu Hà Thanh V, sinh ngày 16/11/2004. Khi ly hôn, chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V đến khi thành niên, có khả năng lao động; anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh Th, không đồng ý quan điểm của chị X và đề nghị Tòa án chưa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

Xét thấy, như đã nhận định ở mục 2.2, thì việc anh Th yêu cầu chưa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị X và anh Th là không phù hợp.

Về điều kiện nuôi con, hiện nay anh Th đang phải cải tạo tập trung không có điều kiện nuôi con; cháu Việt hiện ở với chị X và đang học lớp 12 tại địa phương. Tại Bản tự khai ngày 13/8/2021 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cháu Hà Thanh Việt đã trình bày ý kiến xin được ở với mẹ (chị X).

Xét yêu cầu được nuôi con của chị X là phù hợp, vì hiện nay anh Th không có điều kiện nuôi con, cháu Việt đang ở với chị X và có nguyện vọng được ở với chị X. Vì vậy, cần giao cháu Việt cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị X, anh Th có thay đổi về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con chung thì anh chị có quyền có yêu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị X và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi chị X, anh Th có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Chị X là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. Về quyền kháng cáo: Chị X, anh Th có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị X. Cho chị Hà Thị X được ly hôn anh Hà Văn Th.

2) Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Thanh V, sinh ngày 16/11/2004 cho chị Hà Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Anh Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3) Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị X, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Hà Thị X phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị X đã nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số: AA/2019/0003159 ngày 12/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

5) **Về quyền kháng cáo:** Anh Hà Văn Th và chị Hà Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

6) Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Mai

